

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2025
V/v “tranh chấp Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Quách Trung Sơn**
2. Ông **Đỗ Duy Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 04, đường Nguyễn C khóm 1, thị trấn T huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Ngh**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp M xã Th, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị L và anh Ngh có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu L trình bày: Do tìm hiểu và quen biết nên chị và anh Lê Văn Ngh tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng khoảng vài tháng sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ngh ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau. Chính thức ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hoài Â, sinh ngày 15/8/2017 hiện đang sống cùng anh Ngh. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị L xin ly hôn với anh Ngh. Về con chung: Chị đồng ý giao con chung cho anh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai ngày 04/3/2025 bị đơn anh Lê Văn Ngh trình bày: Anh không đồng ý ly hôn, anh đồng ý nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Thu L được ly hôn anh Lê Văn Ngh. Về con chung: giao cháu A cho anh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng và chị L cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu L và bị đơn anh Lê Văn Ngh có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Văn Ngh do quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ngh ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh vẫn không từ bỏ. Chính thức ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Ngh. Còn anh Ngh thì không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian chung sống hạnh phúc giữa chị L và anh Ngh là ngắn. Sau thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Phía chị L xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với anh Ngh, thời gian ly thân cũng đã lâu nhưng anh Ngh cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh Ngh có đơn xin giải quyết vắng mặt chứng tỏ anh Ngh không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng với chị L, không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Ngh là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị L được ly hôn anh Ngh là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh Ngh có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 15/8/2017 hiện đang sống cùng anh Ngh. Khi ly hôn chị L đồng ý để cho anh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A hiện đang sống chung với anh Ngh từ khi sinh ra cho đến nay. Cháu A có nộ Tờ tự khai xác định cháu muốn sống với anh Ngh. Do đó, để tránh xáo trộn tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển của cháu A nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu A cho anh Ngh nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 238, 235 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu L.

Cho chị Nguyễn Thị Thu L được ly hôn anh Lê Văn Ngh.

2. Về con chung:

Anh Lê Văn Ngh được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Thu L là cháu Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 15/8/2017.

Chị Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 15/8/2017 mỗi tháng 2.000.000đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Nguyễn Hoài A đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày anh Lê Văn Ngh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Thu L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị L đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0016461 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Văn Ngh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND Thị trấn Tràm Chim,
huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diễm

